TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG
Bản án số: **85/**2023/HNGĐ-ST
Ngày: 07/3/2023
V/v tranh chấp: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Ngọc Hạnh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Phúc Viễn**;
2. Ông **Nguyễn Quốc Thuần**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Thơ** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên toà: Ông **Phạm Minh Thanh**- Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 429/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lê Thị Thanh T**, sinh năm 1985 (có mặt);

Địa chỉ hộ khẩu thường trú: Ấp A, xã X, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Chổ ở: Ấp B, xã D, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Anh **Trần Thiện H,** sinh năm 1983 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp A, xã X, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo Đơn khởi kiện, Bản tự khai và tại Tòa hôm nay, chị Lê Thị Thanh T trình bày:

Chị và anh Trần Thiện H tự nguyện cưới nhau vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện C, tỉnh Tiền Giang vào ngày 30/6/2005. Thời gian đầu sống hạnh phúc đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H không quan tâm chăm sóc chị và gia đình, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, anh chị đã sống ly thân từ tháng 8/2022 cho đến nay. Nay do tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh H.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên Trần Thiện V, sinh ngày 15/8/2005 và Trần Quốc Đ, sinh ngày 15/9/2012. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

* Tại Bản tự khai, anh Trần Thiện H trình bày:

Về tình cảm: Giữa anh và chị T chỉ có những mâu thuẫn nhỏ, anh vẫn còn tình cảm với chị T nên anh mong muốn được hàn gắn gia đình. Tuy nhiên nếu chị T vẫn yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Thiện V, sinh ngày 15/8/2005 và Trần Quốc Đ, sinh ngày 15/9/2012. Khi ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa có ý kiến phát biểu:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký và những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử Thẩm phán và Thư ký chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án: Nguyên đơn thực hiện đúng quy định của pháp luật, đối với bị đơn thì không thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự dù được Tòa án triệu tập hợp lệ.

+ Về việc giải quyết vụ kiện: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, xét thấy việc chị Lê Thị Thanh T và anh Trần Thiện H có mâu thuẫn kéo dài không hàn gắn được, anh chị đã ly thân từ tháng 8/2022 cho đến nay nên việc chị T yêu cầu ly hôn với anh H và yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu cấp dưỡng, về tài sản chung và nợ chung không có, là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

[2] Về sự có mặt của đương sự: Toà án nhân dân huyện Chợ Gạo đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng qui định. Quá trình tố tụng, anh Trần Thiện H vắng mặt mà không vì sự việc bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan mặc dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, do đó Toà án xét xử vắng mặt anh H theo quy định.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Thanh T và anh Trần Thiện H là vợ chồng, được Ủy ban nhân dân xã X, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

[4] Về thực trạng hôn nhân: Quá trình tố tụng và tại phiên Tòa, chị Lê Thị Thanh T trình bày anh chị kết hôn tự nguyện, anh chị sống hạnh phúc đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị xuất phát từ việc anh H không quan tâm đến chị và gia đình, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Chị đã cố hàn gắn nhiều lần nhưng không được, hiện tại tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh chị đã ly thân từ tháng 8/2022 cho đến nay.

[5] Về các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, ý kiến trình bày, tranh luận của đương sự và căn cứ giải quyết vụ án: Quá trình tố tụng, anh Trần Thiện H có văn bản trình bày ý kiến mong muốn hàn gắn gia đình vì anh vẫn còn tình cảm với chị T. Tuy nhiên, Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định nhưng anh Trần Thiện H vắng mặt tại các phiên hòa giải. Tại phiên tòa hôm nay, anh cũng vắng mặt mà không vì sự việc bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, thể hiện ý chí không muốn hàn gắn. Do đó, việc chị T yêu cầu ly hôn là có cơ sở chấp nhận.

- Về con chung: Chị Lê Thị Thanh T trình bày hiện nay chị đang nuôi dưỡng cháu Trần Thiện V, sinh ngày 15/8/2005 và Trần Quốc Đ, sinh ngày 15/9/2012. Chị T yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Xét cháu V và cháu Đ hiện đang do chị T nuôi dưỡng, đồng thời các cháu có Bản tự khai trình bày nguyện vọng muốn sống với chị T khi cha mẹ ly hôn. Anh H có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung khi ly hôn nhưng anh không đến khi Toà án triệu tập hợp lệ. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy việc chị T yêu cầu nuôi cháu V và cháu Đ, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với thực tế, phù hợp với nguyện vọng của con chung, không trái với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về tài sản chung: Chị T và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét

- Về nợ chung: Chị T và anh H trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về Điều luật áp dụng: áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[7] Nhận định ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát: Tại Tòa, đại diện Viện Kiểm sát có ý kiến phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đối với bị đơn không thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự dù được Tòa án triệu tập hợp lệ.

Về nội dung vụ án, Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[8] Về án phí: Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Thanh T.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Thanh T được ly hôn với anh Trần Thiện H.

2/ Về con chung: Giao cháu Trần Thiện V, sinh ngày 15/8/2005 và Trần Quốc Đ, sinh ngày 15/9/2012 cho chị Lê Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Trần Thiện H không cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Trần Thiện H được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

3/ Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/Về nợ chung: Không có.

5/ Về án phí: Chị Lê Thị Thanh T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Chị đã nộp 300.000 đồng theo biên lai 0025126 ngày 11/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang, xem như đã nộp xong.

Chị Lê Thị Thanh T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày Toà tuyên án; anh Trần Thiện H có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký và đóng dấu)

Trần Ngọc Hạnh

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- Các đương sự;
- UBND xã X;
- Lưu hồ sơ, án văn.